

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23 /2020/HS-ST**

Ngày: **13/05/2020**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa** : Ông Phạm Thế Anh.
- **Các Hội thẩm nhân dân** : Bà Trần Thị Lệ Dung và ông Vũ Xuân Dự.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa** : Ông Phạm Văn Thành, Thư ký

Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa**: Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2020/HSST ngày 17/04/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 29/04/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh L, Giới tính: nam; Sinh năm: 1983; Nơi sinh: xã T, huyện K; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12.

Bố đẻ: Nguyễn Xuân V; Sinh năm: 1950; Mẹ đẻ: Đinh Thị H; Sinh năm: 1950; gia đình có 7 anh chị em, bị cáo là con thứ 7; Vợ: Phạm Thị H1, sinh năm 1985, lao động tự do và trú tại xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn L1, Giới tính: nam, sinh năm 1988; Nơi sinh: xã T, huyện K; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Có mặt tại phiên tòa.

Bố đẻ: Nguyễn Văn C, sinh năm 1963; Mẹ đẻ Lương Thị M, sinh năm: 1966; gia đình có 3 chị em bị cáo là con thứ 2; Vợ: Trần Thị T1,

sinh năm: 1989, lao động tự do và trú tại xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Con: có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn T, Giới tính: nam; sinh năm: 1988 Nơi sinh: xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 4, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Phạm Văn T2; Sinh năm: 1960; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1962; gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có

Tiền án: không; Tiền sự: ngày 02/7/2019 bị Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 05/7/2019 Phạm Văn T đã thi hành xong nhưng chưa được xóa tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Lương Văn H2, Giới tính: nam, Sinh năm: 1981; Nơi sinh: xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12.

Bố đẻ: Lương Công H3; Sinh năm: 1954; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T3; Sinh năm: 1956; gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Ninh Thị Đ, Sinh năm: 1982; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn L2, Giới tính: nam; Sinh năm: 1998; Nơi sinh: xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn L3; Sinh năm: 1975; Mẹ đẻ: Phạm Thị P; Sinh năm: 1974; gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6. Hoàng Văn T4, Giới tính: nam; Sinh năm: 1980; Nơi sinh: xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12.

Bố đẻ: Hoàng Văn Đ1; Sinh năm: 1949; Mẹ đẻ: Đỗ Thị K; Sinh năm: 1951; gia đình có 7 anh chị em, bị cáo là con thứ 4. Vợ: Vũ Thị X;

Sinh năm: 1978, Hiện đang là lao động tự do và trú tại xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn T5, Giới tính: nam; Sinh năm: 1978; Nơi sinh: xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12.

Bố đẻ: Nguyễn Xuân T6; Sinh năm: 1939; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T7; Sinh năm: 1946; gia đình có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ 4. Vợ: Trần Thị L4, Sinh năm: 1978, Hiện đang là lao động tự do và trú tại xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn G, Giới tính: nam, Sinh năm: 1988; Nơi sinh: xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn B, Sinh năm: 1958; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L5; Sinh năm: 1958; gia đình có 6 chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

9. Ninh Quang P1, Giới tính: nam; Sinh năm: 1982; Nơi sinh: xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Bố đẻ: Ninh Văn B, sinh năm 1945 (đã chết); Mẹ đẻ: Trần Thị P2, sinh năm: 1950; gia đình có 7 chị em. Bị can là con thứ 4; Vợ: Trịnh Thị D; Sinh năm: 1986, Hiện đang là lao động tự do và trú tại xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T4**: ông Phạm Văn Sỹ, trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Ninh Bình; có mặt

- **Ng- ời làm chứng**: Chị Nguyễn Thị T8, sinh năm 1997; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 22 giờ 15 phút ngày 01/02/2020 tại nhà anh Nguyễn Văn H4 ở xóm 1, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình Tổ công tác Công an huyện K phối hợp với Công an xã T phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5, Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn T4 và Phạm Văn T đánh bạc. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tại chiếu bạc tổng số tiền 5.160.000 đồng. Đồng thời thu giữ 01 chiếc chiếu cói, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 04 ví da, 10 điện thoại di động và tổng số tiền 10.700.000 đồng trên người các đối tượng (gồm: của L là 600.000 đồng, của T4 là 500.000 đồng, của T5 là 4.050.000 đồng, của L2 là 700.000 đồng, của G là 1.450.000 đồng và của T là 3.400.000 đồng).

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: buổi tối ngày 01/02/2020, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2 đến nhà anh Nguyễn Văn H4 chơi. Khi đến nơi, do không gặp ai ở nhà nên cả ba đã xuống gian bếp nhà anh H4 ngồi uống nước trên chiếc chiếu đã trải sẵn từ trước. Lúc này L nói “*Anh em mình làm tý*” để rủ L1 và H2 đánh bạc thì cả hai đồng ý. Sau đó L1 thấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân để trên bàn ăn tại bếp nhà anh H4 nên lấy xuống dưới chiếu để chơi. L, L1 và H2 thống nhất đánh bạc bằng hình thức “*Liêng*”, góp gà 10.000 đồng, tổ hết lảng 50.000 đồng rồi bắt đầu đánh bạc từ 21 giờ 20 phút đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì lần lượt Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5, Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn T4 và Phạm Văn T đến tham gia đánh bạc cùng. Cả nhóm đánh bạc liên tục đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện K phối hợp với Công an xã T phát hiện, bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo xác nhận: tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 8.440.000 đồng. Trong đó của L là 1.160.000 đồng, của L1 là 900.000 đồng, của H2 là 400.000 đồng, của P1 là 450.000 đồng, của L2 là 1.450.000 đồng, của T4 là 1.400.000 đồng, của T là 400.000 đồng, của G là 930.000 đồng (gồm 500.000 đồng đã dùng đánh bạc và 430.000 đồng trên người sẽ dùng đánh bạc), của T5 là 1.350.000 đồng (gồm 300.000 đồng đã dùng đánh bạc và 1.050.000 đồng trên người sẽ dùng đánh bạc). Đối với số tiền 1.020.000 đồng còn lại thu giữ trên người của G, số tiền 3.000.000 đồng còn lại thu giữ trên người của T5 và số tiền 3.400.000 đồng thu giữ trên người của T không dùng để đánh bạc.

Bản cáo trạng số 27 /CT-VKS ngày 14/04/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đó truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5, Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn T4 và Phạm Văn T theo khoản 1, 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5, Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn T4 và Phạm Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L và Nguyễn Văn L1 từ 34 đến 38 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung bị cáo từ 25 đến 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5 và Lương Văn H2 từ 30 đến 34 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn T5 từ 26 đến 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2, từ 26 đến 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS; Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 8.440.000đ.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài lơ khơ 52 quân; 01 chiếu cói.

+ Trả lại cho: bị cáo G số tiền 1.020.000 đồng, 01 điện thoại IPHONE 6S và 01 ví da màu vàng; bị cáo T5 số tiền 3.000.000 đồng, 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY A6 và 01 ví da màu đen; bị cáo T số tiền 3.400.000 đồng và 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 2016; bị cáo L 01 điện thoại OPPO F11 và 01 điện thoại NOKIA 105; bị cáo T4 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J8; bị cáo L1 01 điện thoại MOBELL ; bị cáo H2 01 điện thoại VIETTEL và 01 ví da màu đen; bị cáo P1 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 Prime; bị cáo L2 01 điện thoại OPPO A37 và 01 ví da màu đen nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5, Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2 và Phạm Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí cho bị cáo T4.

Người bào chữa cho bị cáo T4 trình bày quan điểm: không phản đối về tội danh và mức hình phạt Kiểm sát viên đề xuất với bị cáo T4; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức hình phạt tiền đối với bị cáo T4 và xét miễn án phí cho bị cáo do bị cáo thuộc hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định nh- sau :

[1] Tại phiên các bị cáo đã khai nhận hành vi và diễn biến việc đánh bạc trong đêm ngày 01/02/2020 như nội dung vụ án tòa án đã nêu. Các bị cáo khai đã tham gia đánh bạc với hình thức chơi “Liêng” khi tham gia đánh bạc bị cáo L có 1.160.000 đồng, bị cáo L1 là 900.000 đồng, bị cáo H2 là 400.000 đồng, bị cáo P1 là 450.000 đồng, bị cáo L2 là 1.450.000 đồng, bị cáo T4 là 1.400.000 đồng, bị cáo T là 400.000 đồng, bị cáo G là 930.000 đồng (gồm 500.000 đồng đã dùng đánh bạc và 430.000 đồng trên người sẽ dùng đánh bạc), bị cáo T là 1.350.000 đồng (gồm 300.000 đồng đã dùng đánh bạc và 1.050.000 đồng trên người sẽ dùng đánh bạc). Các bị cáo đánh bạc đến 22h 15’ ngày 01/02/2020 thì bị công an xã T và công an huyện K bắt quả tang.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 22h 15’ ngày 01/02/2020, lời khai của người làm chứng và vật chứng thu giữ và số tiền 8.440.000đ sử dụng đánh bạc, cùng dụng cụ dùng để đánh bạc là 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21h20’ đến 22h 15’ ngày 01/02/2020, tại nhà của anh Nguyễn Văn H4 xóm 1, xã T, huyện K; các bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5, Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn T4 và Phạm Văn T đã có hành vi “Đánh bạc” đ- ọc thua bằng tiền bằng hình thức chơi “Liêng” với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 8.440.000đ, các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc rủ rê, tụ tập, đánh bạc là vi phạm pháp luật; song để thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là các bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe phòng ngừa chung đồng thời ngăn chặn loại hình đánh bạc này lan rộng.

[3] Trong vụ án này HĐXX thấy: vụ án có đồng bị cáo tham gia nhưng phạm tội mang tính giản đơn không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ; nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra:

Bị cáo Nguyễn Thanh L với vai trò là người rủ rê, khởi xướng việc đánh bạc, tham gia đánh bạc ngay từ đầu giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2 tham gia đánh bạc ngay từ đầu thể hiện việc tích cực phạm tội tính chất mức độ của hành vi của các bị cáo này giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo Phạm Văn T là người thể hiện việc tích cực phạm tội tính chất mức độ của hành vi của các bị cáo này giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5 là cùng đồng phạm với vai trò là người thực hành tham gia đánh bạc ngay khi các bị cáo đầu vụ đánh bạc, có thời gian tham gia đánh bạc nhiều hơn các bị cáo còn lại tính chất mức độ của hành vi của các bị cáo này giữ vai trò thứ tư.

Các bị cáo Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn T4 cùng đồng phạm với vai trò là người thực hành tham gia đánh bạc sau, tính chất mức độ của hành vi của các bị cáo này giữ vai trò cuối cùng trong vụ án

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo được quy định tại điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo T4 thuộc hộ nghèo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 và Điều 58 BLHS năm 2015 nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy; khoan hồng đối với đồng phạm với vai trò thứ yếu thì thấy rằng:

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mục đích là thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc, số tiền huy động để đánh bạc không lớn, nhân thân các bị cáo chưa vi phạm lần nào nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo T có nhân thân xấu đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc chưa được xóa tiền sự không lấy đó làm bài học còn tiếp tục vi phạm có mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại do đó cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính và áp dụng hình phạt tiền bổ sung nhằm tăng tính nghiêm minh.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5, Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn T4 chỉ áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích và răn đe phòng ngừa chung.

Các bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2 giữ vai trò thứ nhất và thứ hai trong vụ án, mức hình phạt tiền phải cao hơn các bị cáo còn lại.

Các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5, vai trò thứ tư trong vụ án, mức hình phạt tiền thấp hơn các bị cáo L, L1, H2 nhưng phải cao hơn các bị cáo còn lại.

Các bị cáo Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn T4 vai trò cuối mức hình phạt tiền của các bị cáo là như nhau.

Bị cáo Hoàng Văn T4 vai trò cuối hoàn cảnh thuộc hộ nghèo nên mức hình phạt tiền được áp dụng là thấp nhất.

[6] Về xử lý vật chứng: Số tiền 8.440.000đ (tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) mà các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc cối, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân là công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Những vật chứng gồm số tiền 7.420.000 đồng, 04 ví da, 01 điện thoại OPPO A37 màu bạc, 01 điện thoại OPPO F11 màu xanh, 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY A6 màu xanh, 01 điện thoại IPHONE 6S màu hồng, 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J8 màu vàng, 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen, 01 điện thoại VIETTEL màu đen, 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 2016 màu bạc, 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 Prime màu đen đã thu giữ trong quá trình điều tra; Các vật chứng thu giữ này không liên quan đến hành vi phạm tội là tài sản cá nhân của các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14; buộc các bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5, Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2 và Phạm Văn T phải nộp 200.000đ án phí HSST. Bị cáo T4 thuộc hộ nghèo được miễn án phí.

[9] Các bị cáo, được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1, Phạm Văn T, Lương Văn H2, Nguyễn Văn L2, Hoàng Văn T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn G, Ninh Quang P1 phạm tội: “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 36.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 34.000.000đ sung ngân sách nhà nước..

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Lương Văn H2. 32.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T5 30.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L2, Ninh Quang P1 26.000.000đ sung ngân sách nhà nước..

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Văn T4 22.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS: Phạt bị cáo Phạm Văn T 12 tháng Cải tạo không giam giữ; Khấu trừ 5% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ sung ngân sách nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Y nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo T được trừ 09 ngày cải tạo không giam giữ cho thời gian tạm giữ 03 ngày từ 01/02/2020 đến 04/02/2020 còn phải thi hành 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếu cói.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 8.440.000 đồng.

- Trả lại cho: bị cáo G số tiền 1.020.000 đồng, 01 điện thoại IPHONE 6S và 01 ví da màu vàng; bị cáo T5 số tiền 3.000.000 đồng, 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY A6 và 01 ví da màu đen; bị cáo T số tiền 3.400.000 đồng và 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 2016; bị cáo L 01 điện thoại OPPO F11 và 01 điện thoại NOKIA 105; bị cáo T4 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J8; bị cáo L1 01 điện thoại MOBELL ; bị cáo H2 01 điện thoại VIETTEL và 01 ví da màu đen; bị cáo Phúc 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 Prime; bị cáo L2 01 điện thoại OPPO A37 và 01 ví da màu đen; nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

3/ Án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/ NQUBTVQH

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L1 và Lương Văn H2, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn T5, Ninh Quang P1, Nguyễn Văn L2 và Phạm Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T4.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền, nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã Y , T;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh